



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 502 /QĐ-CTN

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tặng thưởng Huân chương Chiến công

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Điều 88 Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng;
Xét đề nghị của Thủ tướng Chính phủ tại Tờ trình số 287/TTr-TTg
ngày 07 tháng 3 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng thưởng:

- 06 Huân chương Chiến công hạng nhất;
 - 07 Huân chương Chiến công hạng nhì;
 - 24 Huân chương Chiến công hạng ba,
- cho 37 cá nhân thuộc Bộ Quốc phòng (có Danh sách kèm theo),

Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quốc tế trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

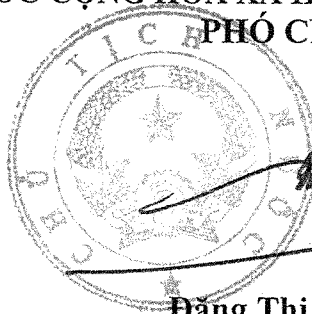
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ tướng Chính phủ, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước và các cá nhân có tên trong Danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

KT. CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- VPCTN: CNVP; Website VP;
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW;
- Lưu: VT, Vụ TĐKT (2).



Đặng Thị Ngọc Thịnh



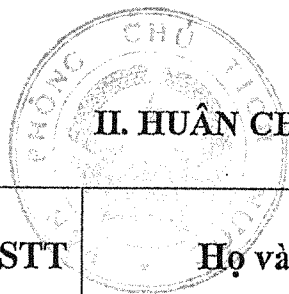
DANH SÁCH
CÁC CÁ NHÂN THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG ĐƯỢC CHỦ TỊCH NƯỚC
TẶNG THƯỞNG HUÂN CHƯƠNG CHIẾN CÔNG

(Kèm theo Quyết định số: 502 /QĐ-CTN, ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Chủ tịch nước)

I. HUÂN CHƯƠNG CHIẾN CÔNG HẠNG NHẤT

STT	Họ và tên	Năm sinh	Cấp bậc, Chức vụ, đơn vị	Quê quán	Thời gian công tác ở Lào
1.	Trần Ngọc Hiến	1945	Trung đội trưởng, Phân đoàn 28, Đoàn 95	Xã Đông Lâm, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình	9 năm
2.	Vũ Lập	1945	Trợ lý Thông tin, Phân đoàn 26, Đoàn 95	Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	10 năm
3.	Phạm Hồng Đoán	1942	Nhân viên Quân lực, Phân đoàn 51, Đoàn 95	Thị trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	10 năm
4.	Chúc Văn Khả	1930	Trợ lý Chính trị, Phân đoàn 28, Đoàn 95	Xã Đại Hóa, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	10 năm
5.	Phạm Xuân Bái	1945	Trợ lý Tham mưu, Phân đoàn 28, Đoàn 95	Xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	9 năm
6.	Nguyễn Tiến Nộp	1933	Đội phó, Phân đoàn 28, Đoàn 95	Xã Tân Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương	9 năm

X



II. HUÂN CHƯƠNG CHIẾN CÔNG HẠNG NHÌ

STT	Họ và tên	Năm sinh	Cấp bậc, Chức vụ, đơn vị	Quê quán	Thời gian công tác ở Lào
1.	Nguyễn Đức Thành	1945	Trạm trưởng, Phân đoàn 28, Đoàn 95	Xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	7 năm
2.	Nguyễn Xuân Chanh	1940	Đội trưởng, Phân đoàn 26, Đoàn 95	Xã Chuyên Ngoại, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	8 năm
3.	Thân Đức Hình	1942	Cán bộ cơ yếu, Phân đoàn 28, Đoàn 95	Xã Hoàng Minh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	7 năm
4.	Nguyễn Văn Dậu	1945	Trung đội phó, Phân đoàn 28, Đoàn 95	Xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	7 năm
5.	Nguyễn Hồng Huy	1942	Trợ lý Thông tin, Phân đoàn 28, Đoàn 95	Xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương	8 năm
6.	Trần Đình Huynh	1938	Chính trị viên, Phân đoàn 28, Đoàn 95	Xã Đông Đô, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	7 năm
7.	Vũ Lệnh Thanh	1942	Bệnh xã trưởng, Phân đoàn 28, Đoàn 95	Xã Tân Kim, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	7 năm

7C

III. HUÂN CHƯƠNG CHIẾN CÔNG HẠNG BA

STT	Họ và tên	Năm sinh	Cấp bậc, Chức vụ, đơn vị	Quê quán	Thời gian công tác ở Lào
1.	Vũ Đức Nguyễn	1940	Trạm trưởng, Phân đoàn 28, Đoàn 95	Xã Đồng Tiến, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	5 năm
2.	Bàn Văn Khoa	1950	Chiến sĩ, Phân đoàn 165, Đoàn 95	Xã Ba Vì, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	6 năm
3.	Bùi Văn Thít	1945	Tiểu đội trưởng, Phân đoàn 165, Đoàn 95	Xã Cao Răm, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	5 năm
4.	Triệu Văn Rần	1951	Chiến sĩ, Phân đoàn 28, Đoàn 95	Xã Xuất Hóa, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	5 năm
5.	Nông Văn Quốc	1951	Chiến sĩ, Phân đoàn 28, Đoàn 95	Xã Xuất Hóa, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	5 năm
6.	Nguyễn Văn Nhất	1950	Tiểu đội trưởng, Phân đoàn 28, Đoàn 95	Xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ	5 năm
7.	Nguyễn Minh Phan	1951	Chiến sĩ, Phân đoàn 51, Đoàn 95	Xã Xuân Lũng, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ	5 năm
8.	Nguyễn Văn Lộc	1928	Chuyên gia, Phân đoàn 28, Đoàn 95	Xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ	6 năm
9.	Lường Văn Nhập	1946	Nhân viên báo vụ, Phân đoàn 28, Đoàn 95	Xã Mường Và, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La	5 năm
10.	Nguyễn Toàn Thúy	1938	Trạm trưởng, Phân đoàn 28, Đoàn 95	Xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	5 năm
11.	Đỗ Mạnh Hùng	1946	Chiến sĩ, Phân đoàn 28, Đoàn 95	Xã Hồng Phong, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	5 năm
12.	Nguyễn Văn Quang	1948	Tiểu đội trưởng, Phân đoàn 28, Đoàn 95	Xã Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội	5 năm
13.	Phạm Văn Lộc	1951	Chuyên gia, Phân đoàn 28, Đoàn 95	Phường Bạch Hạc, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	5 năm

14.	Trần Mạnh Hiền	1947	Tiểu đội phó, Phân đoàn 28, Đoàn 95	Xã Hồng Tiến, thị xã Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên	5 năm
15.	Phạm Ngọc Trân	1950	Chiến sĩ, Phân đoàn 28, Đoàn 95	Xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ	5 năm
16.	Đặng Xuân Hùng	1941	Đài trưởng, Phân đoàn 28, Đoàn 95	Xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	5 năm
17.	Nguyễn Bá Diện	1944	Tiểu đội trưởng, Phân đoàn 28, Đoàn 95	Xã Châu Minh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	5 năm
18.	Thân Văn Mười	1948	Nhân viên báo vụ, Phân đoàn 51, Đoàn 95	Xã Đồng Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	5 năm
19.	Nguyễn Ngọc Lương	1934	Chính trị viên, Phân đoàn 28, Đoàn 95	Xã Quang Khải, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương	5 năm
20.	Hà Văn Trứ	1933	Quản lý Đội, Phân đoàn 51, Đoàn 95	Xã Tân Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương	5 năm
21.	Đào Quang Tuấn	1944	Chiến sĩ, Phân đoàn 28, Đoàn 95	Xã Hà Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương	5 năm
22.	Mai Quang Tuyển	1948	Quân khí viên, Phân đoàn 165, Đoàn 95	Xã Xuân Thượng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định	5 năm
23.	Đỗ Văn Hậu	1944	Quân khí viên, Phân đoàn 165, Đoàn 95	Xã Xuân Thượng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định	5 năm
24.	Lường Văn Chứa	1935	Chính trị viên Đội, Phân đoàn 165, Đoàn 95	Xã Chiềng Ban, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La./.	6 năm

7